

## **BÀI 2: THỜI GIAN BIỂU** (tiết 5 – 10, SHS, tr.13 – 17)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Nói được với bạn những việc em làm trong một ngày; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thời gian biểu giúp em có thể thực hiện các công việc trong ngày một cách hợp lí, khoa học*; biết liên hệ bản thân: *lập thời gian biểu để thực hiện các công việc trong ngày*.

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt c/k.
4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ hoạt động, tính nết của trẻ em); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Bày tỏ được sự ngạc nhiên, thích thú; biết nói và đáp lời khen ngợi.
6. Tự giới thiệu được những điểm chính về bản thân.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về trẻ em.
8. Bước đầu nhận diện được các bạn trong lớp nhờ đặc điểm riêng.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của trẻ em (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.
- HS mang tới lớp ảnh chụp bản thân để tự giới thiệu, truyện đã đọc về trẻ em.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1, 2

#### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn những việc em làm trong một ngày (có thể kể theo thứ tự hoặc không theo thứ tự), thời gian em dành cho mỗi việc.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, sở thích, ước mơ của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thời gian biểu*.

#### B. Khám phá và luyện tập

##### 1. Đọc

###### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ thời gian và tên từng việc làm ở mỗi buổi trong ngày).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *trường, nghỉ trưa, chơi, chương trình,...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

###### 1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thời gian biểu* (bảng kê thời gian và trình tự làm các công việc khác nhau, thường là trong một ngày), *cầu thủ nhí* (cầu thủ nhỏ tuổi),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc, điều rút ra từ bài đọc: *Thời gian biểu giúp em có thể thực hiện các công việc trong ngày một cách hợp lí, khoa học.*

– HS nêu bài học liên hệ bản thân: *lập thời gian biểu để thực hiện các công việc trong ngày.*

### 1.3. Luyện đọc lại

– HS luyện đọc thời gian biểu một buổi trong nhóm, trước lớp.

– HS đọc nối tiếp thời gian biểu theo buổi.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *thử, kiêu, từ tách,...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *giày*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

### 2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái

– HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr.14 SHS.

– HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.

– HS chơi trò **Kết bạn** ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.

– HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.

– HS học thuộc bảng chữ cái.

### 2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS quan sát tranh, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 1 từ cho nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

#### **4. Luyện câu**

– HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

– HS viết vào VBT 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3, một câu về hoạt động, một câu về tính nết.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

#### **5. Nói và nghe**

##### **5.1. Nói lời bày tỏ sự ngạc nhiên, thích thú**

– HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh và lời nói của bạn nhỏ trong tranh.

– Một vài HS nhắc lại lời bạn nhỏ.

– HS trả lời một số câu hỏi:

+ Lời nói của bạn nhỏ thể hiện cảm xúc gì? Vì sao?

+ Khi nào em cần nói lời thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú?

+ Khi nói lời thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)

– HS nhắc lại lời của bạn nhỏ trong nhóm đôi, một số HS nhắc lại lời của bạn nhỏ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

##### **5.2. Nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, khen ngợi**

– HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.

– Một nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS trả lời một số câu hỏi:

+ *Ta thường nói lời khen ngợi khi nào?*

+ *Khi nhận được lời khen ngợi, em cần đáp lại với thái độ thế nào? Vì sao?*

+ Khi nói và đáp lời khen ngợi, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)

– HS phân vai bố, mẹ và Mai để nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, khen ngợi phù hợp với mỗi tình huống trong nhóm ba.

– Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 5, 6

### 6. Tự giới thiệu

#### 6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nhận xét về cách bạn Lê Đình Anh viết lời tự giới thiệu.

#### 6.2. Nói lời tự giới thiệu

– HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói lời tự giới thiệu trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp kết hợp với ảnh chụp (nếu có).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 6.3. Viết lời giới thiệu

– HS xác định yêu cầu của BT 6c, viết 2 – 3 câu tự giới thiệu vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết lời tự giới thiệu. Dán ảnh vào bài viết (nếu có).

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

## C. Vận dụng

### 1. Đọc mở rộng

#### 1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về trẻ em

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện, tên tác giả, nhân vật, ...

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào Phiếu đọc sách tên truyện, tác giả và nhân vật.

- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## **2. Chơi trò chơi *Mỗi người một vẽ***

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS làm quản trò sẽ nói những đặc điểm về một bạn trong lớp cho HS cả lớp đoán tên. HS nào đoán được tên bạn sẽ tiếp tục làm quản trò.
- HS chơi trò chơi và bước đầu nhận ra được đặc điểm riêng của mỗi bạn trong lớp.